

KẾ HOẠCH

Xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số: 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 1246/HD-STTTT ngày 02/08/2022 của sở Thông tin và truyền thông tỉnh Nghệ An quy định xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 6932/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND huyện Yên Thành về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH- UBND ngày 14/04/2023 của UBND huyện Yên Thành: Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng huyện Yên Thành đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 và định hướng xây dựng huyện Nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2030".

UBND xã Long Thành xây dựng kế hoạch xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030, với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN
NTM NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện quyết tâm chính trị xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao vào năm 2021. Nhờ vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, đường lối, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực trong phong trào xây dựng Nông thôn mới nâng cao với những quyết sách phù hợp. Long Thành đã huy động tối đa các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, phát huy được các giá trị văn hóa của quê hương, ưu tiên trong việc tổ chức sản xuất xây dựng cánh đồng mẫu lớn, mở rộng quy mô làng nghề tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sơ chế chế biến lươn đồng v.v... Trên địa bàn xã có 15 mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế mang tính hàng hóa cao, có đầu ra ổn định cho sản phẩm. Hàng năm, 2 HTX dịch vụ nông nghiệp đã phối hợp sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, liên doanh, liên kết bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho bà con nông dân với quy mô hàng chục ha mỗi vụ. Làng nghề sản xuất mây tre đan xuất khẩu, nghề nuôi và chế biến lươn đã giải quyết công ăn việc làm thường xuyên cho trên 300 lao động, trên 585 lao động tham gia, góp phần nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân trên địa bàn.

Việc triển khai thực hiện phong trào xây dựng NTM nâng cao đã tạo được sự lan tỏa mạnh mẽ, đạt được những kết quả nổi bật như: Đã làm mới được 16,3km đường bê tông theo quy chuẩn; xây dựng được 23,5km đường có hệ thống đèn điện chiếu sáng; trồng được 15,7km đường hoa cây xanh; mở rộng lề đường gần 21km; xây dựng mới được gần 24km mương kèp đường trục xóm, ngõ xóm, trong đó có trên 18km mương kèp đường có nắp đậy; xây mới lại nhà văn hóa các xóm Điện Yên, Quang Trung, Phan Thanh, Văn Trai, Rú Đất; tiến hành tu sửa nhà văn hóa các xóm còn lại trên địa bàn, với tổng huy động nguồn lực xây dựng NTM nâng cao đạt 424,1 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương 42,8 tỷ đồng, chiếm 10,1%; ngân sách tỉnh, ngân sách huyện 90,2 tỷ đồng, chiếm 21,3%; ngân sách xã 40,7 tỷ đồng, chiếm 9,6%; doanh nghiệp 5,4 tỷ đồng, chiếm 1,26%; vốn do nhân dân đóng góp 244,9 tỷ đồng, chiếm 57,7%; hệ thống điện, đường, trường, trạm không ngừng được đầu tư nâng cấp, nhiều công trình phúc lợi xã hội in đậm dấu ấn của cộng đồng.

Với nhiều cách làm hay sáng tạo, huy động được các nguồn lực trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao đã đưa diện mạo nông thôn của xã Long Thành ngày càng khang trang, khởi sắc, kinh tế phát triển với tốc độ nhanh và bền vững, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 50,65 triệu đồng/người/năm, cao gấp 1,68 so với năm 2014 (thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM); tỷ lệ hộ nghèo toàn xã chỉ chiếm 1,39%. Hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi, giao thông nội đồng được chỉnh trang hoàn chỉnh thuận lợi cho việc đi lại, giao thương, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, đời sống văn hóa tinh thần được nâng lên rõ rệt, vệ sinh môi trường được đảm bảo, an ninh nông thôn được giữ vững, công tác xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường.

Đến cuối năm 2021, Long Thành đã đạt các chỉ tiêu trong bộ tiêu chí NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020 (theo quy định tại Quyết định 5067/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc “Ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018-2020” và Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc “Điều chỉnh bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018-2020”) với 15/15 tiêu chí và được công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao tại quyết định số: 421/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Nghệ An.

II. THUẬN LỢI

- Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Ban chỉ đạo NTM tỉnh Nghệ An và sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, Văn phòng điều phối xây dựng NTM huyện, các ban ngành, đoàn thể huyện Yên Thành và huy động được tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức cá nhân và doanh nghiệp.

- Các chủ trương Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã và các văn bản của cấp trên về chính sách hỗ trợ đối với xã xây dựng NTM nâng cao đã tác động trực tiếp, mang lại hiệu quả tích cực đến đời sống nhân dân.

- Nhân dân trong xã cần cù chịu khó, năng động sáng tạo, hăng say lao động, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của chính quyền là nguồn lực quyết định sự thành công trong xây dựng NTM nâng cao.

- Sự đoàn kết thống nhất của Cán bộ Đảng viên và sự đồng thuận cao của nhân dân trong toàn xã trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tạo phong trào và khí thế thi đua mạnh mẽ, rộng khắp, có sức lan tỏa.

III. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, tồn tại hạn chế

- Long Thành là xã thuần nông, xuất phát điểm thấp, kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp là chính, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ đang trên đà phát triển. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường tiêu thụ hẹp, giá cả bấp bênh gây bất lợi cho nông dân; thời tiết khí hậu diễn biến phức tạp khó lường, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra nên đời sống của người dân còn gặp khó khăn.

- Một số bộ phận nhân dân chưa thấy được vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới nâng cao nên chưa tích cực tham gia, một số cá nhân, hộ gia đình còn gây khó khăn trong giải phóng mặt bằng, giải tỏa giao thông.

- Nguồn vốn đầu tư vào xây dựng các tiêu chí lớn, nhất là hệ thống giao thông nông thôn, giao thông thủy lợi nội đồng rộng nên phải đầu tư nhiều, hạ tầng văn hóa được xây dựng từ trước những năm 1990 không phù hợp với quy định mới nên phải đầu tư nhiều kinh phí để sửa chữa, xây dựng mới trong khi nguồn thu trên địa bàn hạn hẹp, việc đầu tư xây dựng nông thôn mới còn phụ thuộc hỗ trợ từ các chương trình, dự án của cấp trên và đóng góp của nhân dân tuy nhiên đời sống nhân dân còn khó khăn, đặc biệt trong năm 2020, 2021 dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân từ đó ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân trong xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

2. Nguyên nhân.

- *Nguyên nhân khách quan:*

+ Long Thành là xã thuần nông, tài nguyên hạn chế; nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước cho địa phương có hạn, chưa đáp ứng yêu cầu cho việc xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng.

+ Nhu cầu đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn rất lớn trong khi nguồn lực của xã chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, nguồn vốn đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho chương trình để đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng chưa có, chủ yếu lồng ghép với các chương trình khác.

+ Tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm như dịch tả lợn châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò, dịch cúm gia cầm tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động, ảnh hưởng lớn đến hầu hết các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết về xây dựng NTM nâng cao chưa thường xuyên, sâu rộng;

+ Trách nhiệm, năng lực của một số thành viên ban chỉ đạo và ban quản lý chưa cao, chất lượng tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện chưa cụ thể, còn nhiều lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện;

+ Tư tưởng trông chờ, ỉ lại, sớm thỏa mãn với kết quả đạt được còn nặng nề trong một bộ phận Đảng viên và nhân dân nên đã làm ảnh hưởng đến quá trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Việc xây dựng kế hoạch, lộ trình phải thật cụ thể, phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các công việc đã phân công.

- Theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân tự giác tham gia và dân hưởng thụ”. Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn vốn của cấp trên, bố trí lồng ghép các chương trình dự án, sử dụng nguồn lực có hiệu quả, công khai minh bạch, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân để tham gia đóng góp xây dựng.

- Trong quá trình thực hiện tiếp thu ý kiến đóng góp của Cán bộ, Đảng viên và nhân dân. Sau khi thực hiện có sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND, sự điều hành trực tiếp của UBND, sự quan tâm phối hợp của các ban ngành đoàn thể trong thực hiện chương trình NTM.

- Chương trình đã tạo được sự phấn khởi, đồng tình ủng hộ trong cán bộ và nhân dân; Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn đầu tư; đồng thời tích cực vận động nhân dân huy động mọi nguồn lực để tham gia đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn. Các ban, ngành đoàn thể và cả hệ thống chính trị đã vào cuộc, chủ động cụ thể hóa các tiêu chí với các giải pháp phù hợp, lộ trình cụ thể để tổ chức thực hiện.

- Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tạo tiền đề và có các bài học kinh nghiệm để thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và các nhiệm vụ tiếp theo.

2. Khó khăn

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, khả năng cân đối, bố trí vốn còn hạn chế, nên tiến độ đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án gặp nhiều khó khăn. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn thấp, chưa có nhiều chính sách để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, công tác liên doanh, liên kết, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm.

- Phần lớn kinh tế trên địa bàn xã là kinh tế hộ, thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lực lượng lao động đi làm ăn xa, đi xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn, nên việc đóng góp để xây dựng nông thôn mới cho địa phương còn hạn chế.

- Một số bộ phận cán bộ còn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên. Một số bộ phận người dân vẫn chưa hiểu rõ trách nhiệm của mình là chủ thể và nội lực trong xây dựng nông thôn mới.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và xây dựng xã Nông thôn mới kiểu mẫu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững; có kinh tế hộ gia đình phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng hiện đại, phù hợp, môi trường xanh- sạch- đẹp; bản sắc văn hóa được giữ gìn và phát huy, an ninh chính trị được đảm bảo, hệ thống chính trị vững mạnh.

- Phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, huy động tối đa các nguồn lực trong nhân dân với sự hỗ trợ có hiệu quả của nhà nước để phục vụ lợi ích của người dân.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của Cán bộ, Đảng viên và nhân dân. Phát huy vai trò lãnh đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền và các hội đoàn thể ở xóm, vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Xây dựng vườn chuẩn nông thôn mới nhằm

xây dựng đạt chuẩn từ hộ gia đình đến thực hiện Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu tạo cảnh quan, cơ sở vật chất, môi trường sống... đạt chuẩn.

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư, nâng cao các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và hoàn thành mục tiêu xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao; triển khai thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn chuẩn nông thôn mới theo giải pháp xây dựng từ hộ gia đình đến thôn xóm và liên thôn.

- Phấn đấu năm 2023 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu về chuyển đổi số. Đến năm 2030, giá trị thu nhập của nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 40-45% giá trị thu nhập của ngành nông nghiệp toàn xã. Trong đó: Diện tích lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao ứng dụng công nghệ cao đạt trên 300 ha. Lúa sản xuất VietGap, hữu cơ: trên 50ha (*Hoàn thành mục tiêu chung đưa huyện Yên Thành đạt chuẩn nâng cao vào năm 2025 và nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2030 về sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái ứng dụng công nghệ cao*)

2. Giải pháp

2.1. Xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023

(Căn cứ Quyết định số: 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số: 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025)

a) Quy định 1

Yêu cầu: Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Kết quả thực hiện:

Đối chiếu với Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, xã tự đánh giá kết quả đạt được như sau:

* **Số tiêu chí đã đạt** (16/19 tiêu chí): Tiêu chí số 2: Giao thông; Tiêu chí số 3: Thủy lợi và PCTT; Tiêu chí số 4: Điện; Tiêu chí số 5: Giáo dục; Tiêu chí số 6: Văn hóa; Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (không xét đánh giá do xã chưa có chợ đạt chuẩn); Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 10: Thu nhập; Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều; Tiêu chí 12: Lao động; Tiêu chí số 15: Hành chính công; Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí 17: Môi trường; Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống; Tiêu chí 19: Quốc phòng và an ninh.

* **Các tiêu chí chưa đạt** (3/19 tiêu chí): Tiêu chí số 1: Quy hoạch; ; Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 14: Y tế.

Tiêu chí số 1: Quy hoạch

- **Nội dung chưa đạt:** Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- **Hiện trạng:** Xã có quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2011-2020 đã hết thời hạn. Hiện tại quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030 đang trình phê duyệt.

- **Giải pháp để đạt chuẩn:** UBND xã phối hợp với UBND huyện, phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Tài nguyên- môi trường để rà soát, điều chỉnh và làm các thủ tục để công bố quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030.

⇒ Thời gian hoàn thành: Trước 31/07/2023

Tiêu chí số 13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

- **Nội dung chưa đạt:**

+ Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn với ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt hàng 3 sao trở lên còn thời hạn

+ Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Xã có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực đã được cấp mã số vùng trồng và có liên kết với các đơn vị chế biến, tiêu thụ

+ Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:

* Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

* Thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

- Hiện trạng:

+ Xã chưa có sản phẩm OCOP

+ Sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo, hiện nay vẫn chưa được cấp mã vùng trồng.

+ Chưa có chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

- Giải pháp để đạt chuẩn:

+ UBND xã giao cho Công chức nông nghiệp tham mưu, phối hợp với các hộ dân liên quan,... hoàn thiện các hồ sơ thủ tục để tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP (dự kiến tổ chức thi đánh giá xếp hạng vào tháng 07/2023), phấn đấu đưa sản phẩm 02 sản phẩm: Lươn đồng ướp sẵn và Lươn cuộn thịt, đạt chứng nhận sản phẩm OCOP được xếp hạng 3*-4*

+ Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho các hộ cá nhân, tổ hợp tác, HTX,...đủ điều kiện hoàn thiện các hồ sơ thủ tục (gửi Sở NN- PTNT tỉnh Nghệ An) để đăng ký cấp mã vùng trồng cho sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo.

+ UBND xã giao cho Công chức văn hóa xã có kế hoạch để xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

⇒ Thời gian hoàn thành: Trước 31/07/2023

Tiêu chí số 14: Y tế

- **Nội dung chưa đạt:** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$

- **Hiện trạng:** Tổng số người tham gia BHYT trên địa bàn xã là: 8.551 người. Số nhân khẩu thường trú trên địa bàn là: 9122 nhân khẩu. Tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 93,74%

- **Giải pháp để đạt chuẩn:** UBND xã giao cho Công chức chính sách tham mưu. cùng các đại lý bảo hiểm rà soát, thống kê những hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chưa tham gia bảo hiểm y tế, cùng phối hợp với các ban ngành tổ chức chính trị xã hội, BCH xóm trực tiếp tuyên truyền, vận động người dân tham gia.

Mục tiêu có thêm ít nhất 115 cá nhân tham gia, đưa tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95%.

⇒ Thời gian hoàn thành: Trước 31/07/2023

- Tự đánh giá: Quy định 1 chưa đạt

(Có biểu phụ lục đánh giá các tiêu chí theo QĐ số 318/TTg kèm theo)

Quy định 2: Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã NTM nâng cao tại cùng thời điểm.

- Kết quả thực hiện:

Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 57,6 triệu đồng/người/năm (cao hơn 22,6% so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định: Đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm phải đạt 47 triệu đồng/người/năm). Mục tiêu năm 2023, thu nhập bình quân đầu người đạt 63,1 triệu đồng/người/năm (cao hơn 23,7% so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm phải đạt là 51 triệu đồng/người/năm).

- Tự đánh giá: Quy định 2 đạt

Quy định 3: Có ít nhất 01 mô hình thôn thông minh.

a. Yêu cầu thôn thông minh:

- Về thiết chế: Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình; Có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn; Có 100% nhà ở cá nhân, hộ gia đình trong thôn được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số.

- Về con người: Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn; Trên 70% người trưởng thành trong thôn sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến.

b. Kết quả thực hiện:

- Xã đã chọn xóm Giáp Ngói để xây dựng thành thôn thông minh “Giáp Ngói”

*** Về thiết chế:**

- Trên địa bàn xã có 2 cột sóng 4G/5G của nhà mạng Viettel và Vinaphon đặt tại các điểm xóm Điện Yên là xóm giáp ranh với xóm Giáp Ngói.

- Cơ bản trên địa bàn xóm Giáp Ngói hệ thống Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G các hộ gia đình đều sử dụng (Vinaphon, Viettel): đạt 100%;

- Từ Cấp ủy, Chi bộ, BCH xóm, đến Ban công tác mặt trận xóm cũng như các chi hội trong xóm đều thành lập nhóm để trao đổi công việc tương tác, tương trợ lẫn nhau, cụ thể:

+ Nhóm Chi bộ: Gồm Bí thư và các Đảng viên trong chi bộ do Đ/C Bí thư làm trưởng nhóm

+ Nhóm BCH xóm: Gồm Xóm trưởng, công an viên, thôn đội trưởng và tổ trưởng các tổ liên gia do Đ/C xóm trưởng làm trưởng nhóm.

+ Nhóm Ban CTMT: Gồm các Đ/C trong Ban CTMT và các chi hội trưởng do Đ/C Trưởng ban CTMT xóm làm trưởng nhóm.

+ Nhóm tổ liên gia: Các tổ liên gia lập nhóm, trong đó tổ trưởng làm trưởng nhóm.

+ Nhóm các Chi hội: Các chi hội lập nhóm do chi hội trưởng làm trưởng nhóm.

- Các hộ gia đình trong xóm chưa được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số (*chưa thực hiện được*)

* Về con người:

Cán bộ xóm đều sử dụng điện thoại thông minh có tải các ứng dụng cần thiết để nắm bắt thông tin tuyên truyền đến người dân; khoảng 80% người trưởng thành trong xóm sử dụng điện thoại thông minh.

- Tự đánh giá: Quy định 3 chưa đạt

*** Giải pháp để đạt chuẩn:**

+ UBND xã giao cho công chức văn hóa xây dựng kế hoạch, liên hệ và phối hợp với đơn vị bưu chính viễn thông gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số cho các hộ gia đình trong xóm Giáp Ngói

+ Tuyên truyền, vận động các hộ dân lắp đặt Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G.

+ Hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến.

⇒ Thời gian hoàn thành: Trước 31/07/2023

Quy định 4: Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số...) mang giá trị đặc trưng của địa phương.

Xã Long Thành phần đầu đạt kiểu mẫu về chuyển đổi số

*** Đánh giá theo Công văn số 1246/HD-STTTT ngày 02/08/2022 của sở Thông tin và truyền thông tỉnh Nghệ An.**

Xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 khi đạt đủ các nội dung sau:

- **Yêu cầu:** Đạt các nội dung tiêu chí số 8- Thông tin và truyền thông và nội dung 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trong bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025 .

(Đã đánh giá cụ thể ở mục: a. Quy định 1 và phụ lục kèm theo)

Tự đánh giá: Đạt

- Yêu cầu tiêu chí:

+ Cơ sở vật chất về công nghệ thông tin đồng bộ, đảm bảo an toàn thông tin

Tự đánh giá: Đạt

+ Sử dụng hiệu quả, đạt chỉ tiêu hàng năm đối với các phần mềm dùng chung của Tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, Chữ ký số

Tự đánh giá: Đạt

+ Có phòng họp trực tuyến đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt.

+ Tại các trường học, trạm y tế: Triển khai đầy đủ, hiệu quả các phần mềm theo hướng dẫn của ngành Giáo dục, y tế phục vụ quản lý, dạy học và khám chữa bệnh (có triển khai ứng dụng các phần mềm trực tuyến như dạy học trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa).

Tự đánh giá: Đạt

+ Xã có 62% người trưởng thành có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, học phí,... (yêu cầu ít nhất 50%).

Tự đánh giá: Đạt

+ Có hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông phủ sóng đến 100% các thôn, hoạt động ổn định.

Tự đánh giá: Chưa đạt

- Tự đánh giá: Quy định 4 chưa đạt

*** Giải pháp để đạt chuẩn:**

+ UBND xã tiếp tục hoàn thiện bổ sung nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật số để phục vụ tốt cho công tác chuyển đổi số.

+ Liên hệ với các ngân hàng hỗ trợ và tuyên truyền vận động người trưởng thành trên địa bàn xã mở tài khoản thanh toán trực tuyến.

+ Đầu tư hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông phủ sóng đến 100% các thôn, hoạt động ổn định.

⇒ Thời gian hoàn thành: Trước 31/07/2023

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Hằng năm tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao mức độ đạt chuẩn các tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Xác định xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu là quá trình thường xuyên, liên tục, hướng tới mục tiêu phát triển nông thôn bền vững; có kinh tế phát triển; hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng hiện đại, phù hợp; môi trường sinh thái trong lành; bản sắc văn hóa làng quê được giữ gìn và phát huy; an ninh trật tự xã hội đảm bảo; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, nhân dân hài lòng và đồng tình ủng hộ.

- Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch Phát triển nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ trên địa bàn xã Long Thành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Ban chỉ đạo Xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030 do đồng chí Bí Thư Đảng ủy làm trưởng ban. Ban quản lý do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công phần đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung “Kế hoạch xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030”.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung, tiêu chí trên hệ thống loa truyền thanh xã và các xóm; trong các cuộc sinh hoạt Đảng bộ, chi bộ, quân dân chính, họp xóm và các tổ chức đoàn thể. Xem đây là nhiệm vụ quan trọng và chiến lược lâu dài.

3. Tiếp nhận nguồn lực xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu: Tranh thủ tối đa mọi nguồn lực đầu tư. Quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ các chương trình lồng ghép, chương trình mục tiêu.

4. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030

- Thông qua sơ, tổng kết hàng năm và kiến nghị, đề xuất ý kiến về những khó khăn, vướng mắc. Ban chỉ đạo xã nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Những bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh nội dung được UBND xã trình UBND huyện phê duyệt.

5. Phát động phong trào thi đua xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”

- Xây dựng kế hoạch làm điểm một số xóm có những lợi thế, ưu việt được nhân dân hưởng ứng để nhân ra diện rộng. Ký cam kết phong trào thi đua ở các xóm như: Xóm có đường ngõ xanh-sạch-đẹp; xóm thực hiện nghiêm nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang; xóm thực hiện tốt Đề án bảo vệ môi trường; xóm không có người vi phạm tệ nạn xã hội... Đối với các tổ chức đoàn thể đăng ký tham gia quản lý và trồng cây xanh, đường hoa trên một số tuyến đường giao thông chính.

- Hàng năm tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện như đã đăng ký từ đầu năm, rút ra bài học kinh nghiệm. Có hình thức khen thưởng động viên phong trào và đưa vào tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm của tổ chức, đơn vị xóm. Đồng thời phê bình nhắc nhở những tiêu chí, những nội dung chỉ đạo và các ngành, các cơ sở xóm hiệu quả phong trào chuyển biến chậm.

Trên đây là Kế hoạch Xây dựng xã Long Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 và định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c)
- BCD NTM huyện Yên Thành;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- UBMTTQ xã;
- Thành viên BCD, BQL NTM xã;
- Lưu: VP, NTM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đê

PHỤ LỤC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Theo QĐ số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 7/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt NTMNC	Hiện trạng	Xã tự đánh giá	Mục tiêu, giải pháp, đề xuất; Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Xã có quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2011-2020 đã hết thời hạn. Hiện tại quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030 đang trình phê duyệt.	Chưa đạt	UBND xã phối hợp với phòng Kinh tế hạ tầng để rà soát, điều chỉnh và làm các thủ tục để công bố quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030.
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Xã đã xây dựng quy chế quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch đã ban hành.	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Xã đã có quy hoạch hạ tầng khu trung tâm xã giai đoạn 2015- 2020 và bổ sung quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2022- 2032	Đạt	

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định			
		a) Đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn; đảm bảo vệ sinh mặt đường sạch sẽ	Đạt	- Năm 2022, UBND xã bố trí 135 triệu đồng để bảo trì đường xã - Năm 2021, UBND xã bố trí 180,3 triệu đồng để bảo trì đường xã	Đạt
		b) Tỷ lệ đường xã đoạn qua khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước dọc hai bên tuyến đường	100%	Đường xã qua khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước dọc 2 bên đường đạt 6,5 km/ tổng chiều dài đường xã qua khu dân cư là 6,5 km, đạt tỷ lệ 100%	100%
		c) Đường xã được lắp đặt đầy đủ biển báo giao thông theo quy định; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục xã giao nhau với đường trục thôn, xóm trở lên	Đạt	- Đường xã dài 6,5km (gồm 8 tuyến); có 43 nhánh, nút giao từ đường trục xã giao với đường trục thôn, xóm trở lên - Tuyến đường xã: Đã được lắp 145 biển báo giao thông, bố trí cụm gờ giảm tốc tại 43 nhánh, nút giao từ đường trục xã giao nhau với đường trục thôn, xóm trở lên	Đạt
		d) Tỷ lệ đường xã đoạn qua khu dân cư có hệ thống đèn chiếu sáng	100%	Đường xã đoạn qua khu dân cư có hệ thống đèn chiếu sáng dài 6,5.km/ tổng chiều dài đường xã qua khu dân cư là 6,5 km, đạt tỷ lệ 100%	100%
		đ) Đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được)	100%	Đường trục xã có trồng cây bóng mát dài 3,5km/tổng chiều dài đường trục xã đoạn có thể trồng được cây xanh là 3,5 km, đạt tỷ lệ 100%	100%

	2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2022, UBND xã bố trí 1,9 tỷ đồng để bảo trì đường thôn, xóm - Năm 2021, UBND xã bố trí 1,7 đồng để bảo trì đường thôn, xóm - Tổng chiều dài đường trục thôn, xóm, liên thôn, xóm là 29,063km - Chiều dài đường được cứng hoá và bảo trì hàng năm là 29,063km 	100%	
		Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt			
	a) Được cứng hóa và bảo trì hàng năm					
	- Tỷ lệ đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm được nhựa hóa, bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải	$\geq 80\%$	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm được nhựa hoá, bê tông hoá 29,063 km - Tổng chiều dài đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm của xã: 29,063 km 	100%		
	- Đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm được bảo trì hằng năm đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn; đảm bảo vệ sinh mặt đường	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2022, UBND xã bố trí 1,9 tỷ đồng để bảo trì đường thôn, xóm - Năm 2021, UBND xã bố trí 1,7 tỷ đồng để bảo trì đường thôn, xóm 	Đạt		
b) Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh -						

		sạch - đẹp				
		- Tỷ lệ các đoạn đường trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước gia cố dọc hai bên tuyến đường	$\geq 80\%$	Chiều dài trục đường thôn, xóm trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước gia cố dọc hai bên tuyến đường 29,063km/ tổng có 29,063km	100%	
		Đường trục thôn, xóm và liên thôn, xóm được lắp biển báo giao thông tại tất cả các điểm giao nhau với các đường giao thông từ đường trục thôn, xóm trở lên; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục thôn, xóm giao nhau với đường trục xã trở lên	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Số điểm giao nhau giữa trục đường thôn, xóm và liên thôn liên xóm với các đường giao thông từ trục thôn, xóm trở lên: 215điểm, đã được lắp đặt 215 điểm, đạt 100% (điểm giao với đường trục xã trở lên) - Tuyến đường thôn, xóm, liên thôn, xóm đã được lắp gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao nhau với đường trục xã trở lên. 	Đạt	
		- Tỷ lệ đường trục thôn, xóm, liên thôn, xóm qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng.	$\geq 80\%$	Chiều dài trục đường thôn, xóm, liên thôn, xóm qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng đạt 29,063.km/tổng có 29,063km	100%	
		- Tỷ lệ đường trục thôn, xóm, liên thôn, xóm có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được).	$\geq 80\%$	Chiều dài trục đường thôn, xóm, liên thôn, xóm có trồng cây bóng mát 2 bên đường đạt 4,3 km/tổng có 4,3km có thể trồng cây bóng mát	100%	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đường ngõ, xóm được cứng hoá đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 8,06km - Tổng chiều dài đường ngõ, xóm của xã có 8,06 km 	100%	
	a)	Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa	$\geq 90\%$	Chiều dài đường ngõ, xóm được cứng hoá đạt 8,06 km/tổng có 8,06km	100%	

		b) Đường trục thôn, xóm đảm bảo vệ sinh mặt đường sạch sẽ	Đạt	Chiều dài đường ngõ, xóm đảm bảo vệ sinh mặt đường sạch sẽ đạt 8,06 km/tổng có 8,06km	Đạt	
		c) Tỷ lệ đường ngõ, xóm qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	$\geq 80\%$	Chiều dài đường ngõ, xóm qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng đạt 8,06km/tổng có 8,06.km	100%	
		d) Tỷ lệ đường ngõ xóm có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được)	$\geq 80\%$	Chiều dài đường ngõ, xóm có trồng cây bóng mát đạt 2,1.km/tổng có 2,1km có thể trồng được cây bóng mát	100%	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 100\%$	Chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 63,604km/ tổng đường trục chính nội đồng hiện có là 63,604km	100%	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu nước chủ động chiếm là 564,6 ha/tổng có 564,6ha, chiếm tỷ lệ 100%	100%	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Xã có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững là HTX NN và DV Bắc Long	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 35\%$	Diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 552,02ha/tổng có 552,02ha, chiếm tỷ lệ 100 % (cây trồng chủ lực của địa phương là cây lúa nước. Áp dụng phương pháp tưới SRI. Xã không có diện tích cây trồng cạn chủ lực)	100%	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	- Năm 2022, UBND xã bố trí 800 triệu đồng để bảo trì, tu sửa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (nguồn NĐ62, Thủy lợi phí, nguồn đối ứng NS xã,...) - Năm 2021, UBND xã bố trí 994 triệu đồng để bảo trì, tu sửa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (nguồn NĐ62)	Đạt	

		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Hàng năm UBND xã đều phối hợp với HTX kiểm tra, kiểm soát nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Hàng năm UBND xã chủ động xây dựng kế hoạch PCTT, kiện toàn ban chỉ huy PCTT và đội xung kích PCTT theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt an toàn, tin cậy, ổn định là 2608 hộ/tổng số 2608 hộ toàn xã; Đạt tỷ lệ 100%	100%	
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	- Các trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 là: 03(trường MN, TH,THCS)/tổng số 03 trường, đạt tỷ lệ 100% - Các trường đã đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 là: 02 (TH, THCS)/tổng số 03 trường - Trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 3	100%	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2020 theo Quyết định số 7144/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện Yên Thành	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 năm 2020 theo Quyết định số 7144/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện Yên Thành	Đạt	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Xã đã đạt chuẩn xóa mù chữ. Hiện đang đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 3	Mức độ 3	

		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt	Tốt	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Xã xây dựng (hoặc phê duyệt) và tổ chức thực hiện được ít nhất 01 đề án, kế hoạch theo hướng xã hội hóa về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; Tổ chức chạy thể dục buổi sáng trước lúc đến trường; nhảy dân vũ tập thể; các câu lạc bộ thể dục, thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền,...	Đạt	Tổ chức thực hiện mô hình về giáo dục thể chất cho học sinh: Nhảy dân vũ tập thể, dạy bơi	Đạt	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Xã có 17 điểm lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng. Trong khuôn viên UBND xã có sân cầu lông, bóng chuyền, bóng đá. - Xã có tổng cộng 11 xóm. - Trên địa bàn có 03 mô hình hoạt động văn hoá: Mô hình nhảy dân vũ; mô hình thể dục bóng chuyền hơi, tập thể dục dưỡng sinh của hội người cao tuổi được tổ chức hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Trên địa bàn xã có 7 di tích lịch sử, trong đó: Có 1 di tích lịch sử cấp quốc gia; 6 di tích lịch sử cấp tỉnh. Các di tích trên đã được tiến hành kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Đạt	

		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥75%	Số xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới là 9 xóm/tổng số 11 xóm, đạt tỷ lệ 82%	82%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm		Xã không có chợ trong quy hoạch		
		7.1. Đối với xã có chợ trong quy hoạch: Chợ đạt chuẩn cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định; Xây dựng mô hình thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm theo hướng dẫn của Bộ Công Thương hoặc đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt			
		7.2. Trường hợp xã không có chợ đạt chuẩn cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao: Không xét đánh giá tiêu chí này.	Đạt	Không xét đánh giá		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Xã có 1 điểm phục vụ bưu chính là bưu điện văn hóa xã, có khả năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến khi người dân có nhu cầu.	Đạt	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	>80%	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 4.123 /5.077 thuê bao di động, đạt tỷ lệ 81,2%	81.2	

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Xã có 01 điểm dịch vụ báo chí truyền thông (Bưu điện Văn hóa xã). Đài truyền thanh xã và 11/11 xóm có hệ thống loa hoạt động thường xuyên cung cấp tốt thông tin đến bà con nhân dân.	Đạt	
8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành Vnprooffice Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh nghean.mail.nghean.gov.vn. Sử dụng dịch vụ một cửa điện tử. Sử dụng phần mềm kế toán Misa, phần mềm hộ tịch. Xây dựng trang thông tin điện tử có địa chỉ Longthanh-yenthanh.nghean.gov.vn vào năm 2020 trên cổng thông tin điện tử của huyện, hoạt động hiệu quả, cập nhật kịp thời các hoạt động của chính quyền cấp xã. Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.		
8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)				
- Địa điểm có mạng wifi: Các điểm công cộng bắt buộc phải có mạng wifi miễn phí: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế; Các điểm công cộng khuyến khích có mạng wifi miễn phí: Trường học, nhà văn hóa thôn, các địa điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí		Xã đã có 17 điểm có mạng wifi miễn phí: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm y tế, 03 trường học (MN, TH, THCS), Bưu điện VH xã và NVH 10 xóm (Điện Yên, Giáp Ngói, Yên Mọi, Phú Thọ, Vạn Tràng, Văn Tràng, Quang Trung, Phan Thanh, Rú Đất, Văn Trai)	Đạt	
Mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin		Hệ thống mạng Wifi đảm bảo đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.	Đạt	

		theo các quy định hiện hành.					
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	> 95%	Xã có 2.582 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố/tổng số 2.608 hộ, đạt tỷ lệ 99%	99%		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥43	Thu nhập của xã đạt 50,646 triệu đồng/người.		
			Năm 2022	≥47	Thu nhập đạt 57,6 triệu đồng/người.		
			Năm 2023	≥51	Kế hoạch đạt 63,1 triệu đồng/người.		
			Năm 2024	≥55	Kế hoạch đạt 66,5 triệu đồng/người.		
			Năm 2025	≥59	Kế hoạch đạt 70,5 triệu đồng/người.		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	≤2%	<ul style="list-style-type: none"> - Số hộ nghèo đa chiều năm 2021 có 36 hộ/tổng số 2586 hộ, đạt tỷ lệ 1,39%; - Kế hoạch hộ nghèo đa chiều năm 2022 đạt 1,38% - Kế hoạch hộ nghèo đa chiều năm 2023 đạt 1,23% - Kế hoạch hộ nghèo đa chiều năm 2024 đạt 1,12% - Kế hoạch hộ nghèo đa chiều năm 2025 đạt 1,02% 	1.23%		

12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥80%	Số lượng lao động qua đào tạo là 4.065 lao động/tổng số 4971 lao động toàn xã, đạt tỷ lệ 82 %	82.00%		
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥30%	Số lượng lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 3264 lao động/tổng số 4971 lao động toàn xã, đạt tỷ lệ 65,7% (trong đó: Lao động có trình độ đại học: 480 người. Lao động có trình độ cao đẳng: 390 người. Lao động có trình độ trung cấp nghề: 469 người. Lao động có trình độ sơ cấp nghề: 639 người. Lao động được cấp chứng chỉ nghề: 1286 người)	65.7%		
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn					
		a) Trong các ngành kinh tế chủ lực thuộc lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp	< 30%	Trên địa bàn xã có số lao động làm nghề sản xuất nông nghiệp là 1.422/4.971 lao động, chiếm tỷ lệ 35,2%	28.6%		
		b) Trong các ngành kinh tế chủ lực thuộc lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng	> 40%	Số lao động trong lĩnh vực Công nghiệp- xây dựng là 2.038/4.971 người, chiếm 42%.	41.0%		
		c) Trong các ngành kinh tế chủ lực thuộc lĩnh vực Dịch vụ	> 30%	Số lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ là 1.511/4.971 người, chiếm 27,1%.	30.4%		

13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥1	- Hợp tác xã NN và DV Nam Long tự xếp loại năm 2021, năm 2022 theo thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017: Loại Khá - Từ năm 2020, 2021, 2022, HTX có hợp đồng liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm: 4 hợp đồng	1	
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn với ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt hàng 3 sao trở lên còn thời hạn	Đạt	Xã chưa có sản phẩm OCOP	Chưa đạt	Năm 2023 phấn đấu đưa sản phẩm Lươn đồng ướp sẵn, lươn cuộn thịt đạt chứng nhận sản phẩm OCOP được xếp hạng 3*-4*
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	Vụ Xuân 2022 xây dựng mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm lúa VNR20 tại xóm Điện Yên, Văn Trai với quy mô 80,25ha. Ứng dụng cơ giới hóa các khâu làm đất bằng máy cày, khâu phun thuốc trừ sâu bằng máy bay và thu hoạch lúa bằng máy gặt liên hợp. Hiện tại xã có mô hình sản xuất lươn giống của hộ anh Hoàng Kim Lượng xóm Rú Đất ứng dụng công nghệ cao trong việc ương nuôi con giống.	2	

<p>13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Có ít nhất một mô hình sản phẩm chủ lực của xã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm</p>	<p>Đạt</p>	<p>Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là lúa gạo, xã có diện tích 552,02ha lúa, sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã. Tuy nhiên chưa thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc. Ngoài ra còn có sản phẩm lươn chế biến sẵn là sản phẩm cho hiệu quả kinh tế cao gấp 10 lần trồng lúa và có tiềm năng mở rộng. Một số hộ đã có sản phẩm lươn đồng ướp sẵn có mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p>	<p>Đạt</p>	<p>Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Lúa gạo, lươn chế biến, trước 31/7/2023</p>
<p>13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử</p>	<p>≥ 10%</p>	<p>Xã có 2 sản phẩm chủ lực là lúa gạo và lươn chế biến. Trong đó sản phẩm lươn chế biến có một số hộ dân đã bán trên sàn thương mại điện tử (có 1/2 sản phẩm, đạt 50%)</p>	<p>50%</p>	
<p>13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Xã có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực đã được cấp mã số vùng trồng và có liên kết với các đơn vị chế biến, tiêu thụ</p>	<p>Đạt</p>	<p>Sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo, hiện nay vẫn chưa được cấp mã vùng trồng</p>	<p>Chưa đạt</p>	<p>Đăng ký mã vùng trồng tập trung cho sản phẩm lúa gạo. Hoàn thành trước tháng 31/7/2023</p>
<p>13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội</p>				<p>Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND</p>

		a) Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.	Đạt	Xã chưa xây dựng được chuyên mục du lịch của xã trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.	Chưa đạt	cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội và thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội. Hoàn thành xong trước 31/07/2023
		b) Thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Có ít nhất một mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).	Đạt	Xã có mô hình chế biến lợn của hộ anh Nguyễn Minh Thao, hộ Nguyễn Thị Nhân. Mô hình nuôi lợn không bùn của hộ anh Hoàng Kim Lượng , tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động địa phương, nâng cao thu nhập, giữ gìn bản sắc văn hóa và không gây ô nhiễm môi trường.	Đạt	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Tổng số người tham gia BHYT trên địa bàn xã là: 8.551 người. Số nhân khẩu thường trú trên địa bàn là: 9122 nhân khẩu. Tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 93,74%	94%	Tuyên truyền vận động thêm ít nhất 115 cá nhân tham gia, đưa tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95%

		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	Đã cập nhật 94% (7.208/7669 người) trên phần mềm hồ sơ sức khỏe	94.0%	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥40%: 3.374/7.669 người, đạt tỷ lệ 44%	44%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥70%	Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥70%: Có 5.521/7.669 người, đạt tỷ lệ 72%.	72%	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Đạt các Chỉ tiêu về ứng dụng CNTT đối với cấp xã theo QĐ số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; QĐ	Đạt	Xã Long Thành đã xây dựng trang thông tin điện tử có địa chỉ Longthanh-yenthanh.nghean.gov.vn vào năm 2020 trên cổng thông tin điện tử của huyện, đã hoạt động, cập nhật kịp thời các hoạt động của chính quyền cấp xã	Đạt	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Xã đã triển khai thực hiện hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4. Niêm yết 30 thủ tục hành chính thực hiện hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Năm 2021, 2022 xã có 0 trường hợp khiếu nại vượt cấp	Đạt	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	Hiện nay trên địa bàn xã có 01 mô hình về phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống bạo lực gia đình.	1	

		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	Năm 2021 có 12 vụ. Trong năm 2022 (đến tháng 10) có 14 vụ tranh chấp, mâu thuẫn ở cơ sở, tỷ lệ được hòa giải ở cơ sở 100%	100%	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu là 7265 người/7897 tổng số người; đạt tỷ lệ 92%	92%	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Các khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đều có hệ thống thu gom, thoát nước đảm bảo kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Có 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%	95%	95%	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	Số hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả là 1435hộ/ tổng số 2608 Hộ, đạt tỷ lệ 55%	55%	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 1.878hộ/ tổng số 2.608 Hộ, đạt tỷ lệ 72%	72%	

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%		100%	
17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được nhân dân thu gom sử dụng làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; để ủ làm phân bón cho cây trồng; làm chất đốt,...đạt tỷ lệ 91%		91%	
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	Trên địa bàn xã có 1.908/2.097 hộ đảm bảo các quy định vệ sinh thú y, chăn nuôi và vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 90,98%.		90.98%	
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch					
a) Về quy hoạch, xây dựng nghĩa trang và hoạt động mai táng, hỏa táng phải đáp ứng, duy trì đầy đủ nội dung tiêu chí của xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nêu trên.	Đạt	Việc quy hoạch, xây dựng, hoạt động mai táng của nghĩa trang (8 nghĩa trang) đều đúng theo quy định.		Đạt	
b) Nghĩa trang phải được cứng hóa bằng bê tông hoặc vật liệu khác tương đương đường nội bộ trong khuôn viên nghĩa trang.	Đạt	Các nghĩa trang (8/8 nghĩa trang) đều đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc vật liệu khác tương đương đường nội bộ trong khuôn viên nghĩa trang.		Đạt	

		c) Nghĩa trang phải có khu vực để đốt vàng mã (đối với khu vực dân cư có phong tục đốt vàng mã), khu vực để thùng chứa phân loại và thu gom chất thải rắn.	Đạt	Có 6/8 nghĩa trang có khu vực đốt vàng mã hoặc khu vực để thùng chứa phân loại và thu gom chất thải rắn: Xóm Văn Trai, Bắc Sơn, Điện yên, Quang Trung, Yên Mội, Văn Tràng. Có 2/8 nghĩa trang: xóm Rú Đất, Phan Thanh là xóm giáo dân toàn tòng, theo phong tục không bố trí.	Đạt	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Hiện nay người dân trên địa bàn xã đã ngày càng sử dụng hình thức hỏa táng thay thế cho chôn cất người mất tại nghĩa trang theo hình thức mai táng, sử dụng hình thức hỏa táng đạt 6%.	6%	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		Tại các địa điểm công cộng, đất cây xanh đạt 4m ² /người	Đạt	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	95%	95%	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 55\%$	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 93% (2425/2608 hộ).	93%
			Xã khu vực III	$\geq 40\%$		
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥ 60 lít	Số lượng nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là 67 lít	67 lít
			Xã khu vực III	≥ 50 lít		

		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥30%	- Xã có nhà máy nước sạch Long Thành đóng ngay trên địa bàn xã, hiện tại hoạt động tốt. Tỷ lệ số hộ được đầu nối là 2425/2608 hộ, đạt tỷ lệ 93%	93%	
			Xã khu vực III	≥25%			
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		100%	- Số chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn ATTP: 85/ 85, đạt tỷ lệ 100%	100%	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		Không	Trên địa bàn xã không để xảy ra sự cố về ATTP thuộc phạm vi quản lý của xã. Đạt	Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm		Đạt	Số lượng cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn xã được chứng nhận về an toàn thực phẩm là 43 cơ sở/tổng số 43 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%	Đạt	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch		≥95%	Hiện nay trên địa bàn xã có 2.504 hộ/2.608 hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 96%.	96%	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường		100%	Trên địa bàn xã hiện tại không có bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt. UBND xã hợp đồng với công ty môi trường Yên Thành thu gom đạt trên 95% rác thải sinh hoạt ngay tận cổng hộ gia đình. Số rác thải sinh hoạt còn lại là rác thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu gom phế liệu, rác thải hữu cơ được tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng.	100%	
		19	Quốc phòng và	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã			

An ninh	và lực lượng dân quân				
	a) Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương	Đạt	UBND xã, BCH QS xã luôn làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Đạt	Đạt	
	b) Ban chỉ huy quân sự xã	Đạt	Cán bộ Ban CHQS xã gồm 5 người (1 Chỉ huy trưởng, 2 CHP, 1 Chính trị viên, 1 Phó chính trị viên) luôn luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, chất lượng đảm bảo. Đồng chí CHT và PCHT đều qua đào tạo trường quân sự tỉnh. - Lực lượng DQTV tổng số 92 người (gồm: Dân quân cơ động: 28 người; Dân quân tại chỗ: 33 người; Binh chủng chiến đấu: 15 người; cối 60: 3 người; cối 82: 13 người).	Đạt	
	c) Thực hiện công tác giáo dục Quốc phòng và An ninh (QPAN)	Đạt	Công tác giáo dục Quốc phòng an ninh được thực hiện thường xuyên.Đạt	Đạt	
	d) Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân	Đạt	Ban chỉ huy QS xã hàng năm đầu xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân. Đạt	Đạt	
	đ) Thực hiện công tác động viên, tuyển quân	Đạt	Hàng năm đảm bảo số lượng tuyển quân cấp trên giao . Năm 2023, tổng số chiến sỹ trúng tuyển 13 người/tổng số chỉ tiêu cấp trên giao 13 người. Nhập ngũ 7 người	Đạt	

	<p>19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy)</p>	<p>Đạt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xã có mô hình Camera an ninh và mô hình phòng cháy chữa cháy, bảo đảm trật tự,... - Trên địa bàn xã không có công dân cư trú phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn nghiêm trọng trở lên. Trên địa bàn xã hiện tại có mô hình nổi bật như mô hình Cựu chiến binh với công tác tuần tra đảm bảo ANTT; mô hình tổ liên gia tự quản về ANTT, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông...hoạt động thường xuyên, hiệu quả cao, hạn chế được nạn trộm cắp và các tệ nạn khác, thực sự mang lại niềm tin và sự bình yên cho nhân dân. Đạt 	<p>Đạt</p>	
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------	--